

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 10-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Diệt
2. Bà Phạm Thị Bích Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Chí D; tên gọi khác: Dũng E; sinh ngày 10-7-1995; tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Số E, Đường K T, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Số A, Đường D, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Cao T và bà Trương Thị Thu H; có vợ tên Nguyễn Thị Trúc L, chưa có con; tiền án: có 02 tiền án, cụ thể: Ngày 11-5-2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử và tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 01-6-2019; Ngày 02-12-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử và tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 11-01-2022; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 10-02-2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử và tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 23-9-2012; Ngày 21/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 22 tháng, chấp hành xong ngày 11-01-2021 (do chấp hành hình phạt tù);

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12-7-2023, chuyển

tạm giam từ ngày 15-7-2023 (Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: Hồng Đại P; sinh ngày 26-7-2000; tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Số C, Đường T, Khóm A, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Đại H1 và bà Phan Thị A; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Vào ngày 22-6-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 16-7-2021; nhân thân: Có 01 tiền sự chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12-7-2023, chuyển tạm giam từ ngày 15-7-2023 (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Ông Mai Văn C, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn D1, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Mai Hoàng H2, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/ Anh Mai Hoàng G, sinh năm: 2001; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3/ Ông Trương Hoàng G1, sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 12-7-2023, D1 rủ P đi kiếm gà để trộm bán lấy tiền tiêu xài thì P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02 chở D1 đi vào khu vực huyện M để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, D1 và P phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 83P3-343.90 của ông Mai Văn C, đang dựng trên lộ đal trước nhà thuộc ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng không có người trông coi nên D1 và P nảy sinh ý định lấy trộm. P dừng xe lại, D1 bước xuống xe và dùng cây đoản và chìa khóa ống điều bẻ ổ khóa, D1 liền nổ máy và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-343.90 lưu thông hướng ra cầu T, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3- 051.02 đi theo sau D1. Khi cả hai điều khiển xe được khoảng 500 mét thì bị người dân phát hiện chặn xe và bắt giữ, sau đó ông Mai Văn C trình báo sự việc đến Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện M, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 83P3-343.90, nhãn hiệu HONDA, loại Wave, số khung 08062Y215675,

số máy HC08E0215679, màu sơn xanh, đã qua sử dụng có tu sửa và thay thế một số phụ tùng, tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, tại Bản kết luận giám định số 156/KLTL-KTHS, ngày 09-8-2023 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P3-051.02, số: 83008583 là giả và tại Bản kết luận giám định số 181/KLSKSM-KTHS, ngày 14-8-2023 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: Xe mô tô biển số 83P3-051.02, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, số loại Wave có chữ số của số khung RLHHC090X6Y493192 là số nguyên thủy; số máy HC09E-6493156 là số nguyên thủy.

Qua làm việc bị can Huỳnh Chí D và Hồng Đại P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M có tạm giữ tài sản, đồ vật gồm: 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83P3-343.90, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh; Tiền Việt Nam 113.000 đồng; 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02, số 83008583; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen loại bàn phím, đã qua sử dụng; 01 (một) Thẻ visa mang tên Nguyễn Thị Trúc L thuộc ngân hàng C1. Sau khi làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho chủ sở hữu. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02, số 83008583 là giấy giả, nhưng quá trình điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh hành vi của bị can Huỳnh Chí D phạm tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M chuyển giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02, số 83008583 giả cho Đ Công an huyện M xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P3-051.02, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng, qua tra cứu là xe mô tô biển số 83H6-0613 do ông Trần Văn D1 làm chủ sở hữu bị mất trộm vào tháng 8-2022, tại Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã bàn giao vật chứng cho Công an P1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tiếp nhận và xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự, ông Mai Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-MT ngày 11-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Huỳnh Chí D về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Hồng Đại P về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Chí D và Hồng Đại P đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại ông Mai Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Huỳnh Chí D và Hồng Đại P phạm “Tội Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Huỳnh Chí D từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Huỳnh Chí D từ 06 tháng tù đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét; về vật chứng không có, không đặt ra xem xét; về án phí các bị cáo là người bị kết án nên phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo Huỳnh Chí D và Hồng Đại P xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa, bị hại ông Mai Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D1 và những người làm chứng Mai Hoàng H2, Mai Hoàng G, Trương Hoàng G1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại ông Mai Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D1 và những người làm chứng Mai Hoàng H2, Mai Hoàng G, Trương Hoàng G1.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo D1 và P đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 12-7-2023, tại lộ đal thuộc ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo D1 và P đã lợi dụng không có người để thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển kiểm soát 83P3-343.90 của ông Mai Văn C có tổng giá trị 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Như vậy, hành của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành “Tội Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, đối với bị cáo D1 là người đã bị kết án với tình tiết tăng nặng “tái phạm” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo D1 thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đã truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tuyên các bị cáo Huỳnh Chí D và Hồng Đại P phạm “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; các bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích cá nhân. Mặc dù, tài sản các bị cáo lấy trộm của bị hại đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nhưng hành vi của các bị cáo đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, gây mất an toàn, trật tự tại địa phương. Nghiêm trọng hơn, đối với bị cáo D là người có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân xấu. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo; tài sản mà các bị cáo lấy trộm đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nên thiệt hại về vật chất không lớn, riêng bị cáo P mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo D và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt, như đã nhận định hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm

khắc là tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Qua xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định tại Đoạn [5] nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong vụ án này, các bị cáo không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả đã xảy ra, nhưng đối bị cáo D là người có hai tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và là người khởi xướng, rủ rê bị cáo P đi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chính; còn đối với bị cáo P là người được rủ rê, không những không từ chối mà còn tích cực giúp sức để thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại, nhưng cần xem xét bị cáo mới phạm tội lần đầu nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo D. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tuyên phạt bị cáo D từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; phạt bị cáo P từ 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố bị hại ông Mai Văn C đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng, trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện M đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đề nghị về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các phần trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên các bị cáo Huỳnh Chí D (Dũng E) và Hồng Đại P phạm “Tội Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí D (tên gọi khác: Dũng E) 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-7-2023.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm

2017;

Xử phạt bị cáo Hồng Đại P 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-7-2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng vụ án: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Chí D và Hồng Đại P phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi Cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Luân